

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/KTST
Ngày: 26 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Tuyết
- Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 5 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 65/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST-KDTM-HPT ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXX-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B);

Địa chỉ trụ sở: số A T, phường L, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền (Quyết định số 3619/GUQ-BIDV-TTXLN2 ngày 22/11/2024): Ông Lê Thế A, ông Phạm Bá S, ông Phan Anh T; (Ông Lê Thế A, ông Phan Anh T có mặt, ông Phạm Bá S vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, B L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH T2;

Địa chỉ: số D Â, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Hoàng D – Giám đốc. (Có mặt);
Địa chỉ: Số B đường N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Tô Khánh H, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Lô B, K . P, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là B) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ tín dụng:

Ngày 15/9/2020, B và Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/14145570/HĐTD, cụ thể:

- Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
- Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, B đã giải ngân và Công ty T2 nhận nợ theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể các ngày 30/9/2020 (02 hợp đồng), ngày 01/10/2020, cụ thể:

Tài khoản vay	Ngày vay	Ngày đến hạn	Số tiền giải ngân	Thời điểm chuyển NQH	Dư nợ tại thời điểm hết ngày 11/11/2024	
					Dư nợ gốc	Dư nợ lãi
13982000060890	01/10/2020	10/6/2021	6.360.000.000	11/6/2021	6.360.000.000	3.470.585.906
13982000060854	30/9/2020	30/6/2021	9.870.000.000	1/7/2021	9.870.000.000	5.377.887.885
13982000060845	30/9/2020	30/6/2021	18.770.000.000	1/7/2021	18.590.000.000	10.227.249.807
Tổng cộng			35.000.000.000		34.820.000.000	19.075.723.597

Tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T2 trên, bà Nguyễn Tô Khánh H đã đồng ý sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay tại B, cụ thể như sau:

Ngày 29/9/2020, B và bà Nguyễn Tô Khánh H đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 002/2020/14145570/HĐBĐ tại Văn phòng C theo số công chứng 8673, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/9/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T, tỉnh Long An. Tài sản bảo đảm gồm:

(1) Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 851631, sổ vào sổ CH 00864 do Ủy ban nhân dân Thành phố T cấp ngày 01/12/2011 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

(2) Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 996, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 703476, sổ vào sổ CT 10212 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/02/2012 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

(3) Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 522518, sổ vào sổ CH 01019 do Ủy ban nhân dân Thành phố T cấp ngày 02/05/2012 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

(4) Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 2198, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 117919, sổ vào sổ CS 05685 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 02/10/2019 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, Công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và thanh toán tiền lãi cho B, toàn bộ số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày phát sinh nợ quá hạn, B đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bên vay trả nợ, mặc dù đã nhiều lần cam kết trả nợ cho B nhưng bên vay không thực hiện đúng. Tính đến hết ngày 26/6/2025, Bên vay còn nợ B tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là: 56.884.629.230 đồng (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm ba mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 34.820.000.000 đồng; Nợ lãi: 22.064.629.230 đồng.

Đối với Bên thế chấp tài sản là bà Nguyễn Tô Khánh H, B đã yêu cầu chủ tài sản thực hiện nghĩa vụ của Bên thế chấp theo đúng Hợp đồng thế chấp đã ký với B. Tuy nhiên, Bên thế chấp không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ đúng theo nghĩa vụ của bên bảo đảm theo Hợp đồng.

Do vậy, B khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết tranh chấp như sau:

1. Buộc Công ty TNHH T2 thanh toán cho B toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 26/6/2025 là 56.884.629.230 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.820.000.000 đồng; Nợ lãi: 22.064.629.230 đồng.

Trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 theo mức lãi suất đã thỏa

thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

2. Trường hợp Công ty T2 thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho B thì B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp.

3. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì Công ty T2 có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Bị đơn Công ty TNHH T2 có người đại diện theo pháp luật là ông Lương Hoàng D trình bày tại Bản tự khai ngày 13 tháng 3 năm 2025 và tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23 tháng 4 năm 2025 như sau:

Việc ông Lương Hoàng D đứng tên người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 là do có người quen nhờ ông, ông D hoàn toàn không biết gì về hoạt động của Công ty T2. Hợp đồng tín dụng số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Hợp đồng thế chấp số 002/2020/14145570/HĐBĐ ngày 29/9/2020 của Công ty T2 với B không liên quan đến ông D. Ông D chỉ ký tên trên hợp đồng tín dụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 chứ hoàn toàn không biết Công ty vay để làm gì. Ông D với bà Nguyễn Tô Khánh H chỉ biết nhau chứ không có quan hệ làm ăn mua bán từ trước cũng không phải là người thân trong gia đình. Số tiền vay mà B giải ngân cho Công ty T2, ông D cũng không được nhận; phần vốn góp ghi tên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực tế không phải của ông D. Ông D không có tiền để góp vào Công ty, các giấy tờ vay này do người của Công ty T2 tự làm, ông D hoàn toàn không biết. Con dấu của Công ty T2 ông D cũng không giữ và không biết hiện nay ai đang giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: Bà Nguyễn Tô Khánh H trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án triệu tập họp lệ để ghi tự khai; tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

1. Buộc Công ty T2 thanh toán cho B toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày ngày 26/6/2025 là 56.884.629.230 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.820.000.000 đồng; Nợ lãi: 22.064.629.230 đồng.

Trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

2. Trường hợp Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho B thì B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 002/2020/14145570/HĐBĐ tại Văn phòng công chứng C theo số

công chứng 8673, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD, Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/9/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T, tỉnh Long An đối với 04 thửa đất.

3. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì Công ty T2 có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ B tự nguyện chịu.

* Người đại diện theo pháp luật của công ty T2 - ông Lương Hoàng D xác định Hợp đồng tín dụng số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15 tháng 9 năm 2020 là ông có ký tên với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty T2. Tất cả các vấn đề khác như: pháp lý của Công ty T2, mục đích vay, số tiền vay đã chuyển đi đâu ông D hoàn toàn không được biết do chỉ là người đứng tên dùm trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đối với yêu cầu khởi kiện của B nay ông D không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Nguyễn Tô Khánh H trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dưới đây nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không nộp ý kiến trình bày:

- Thông báo về việc thụ lý vụ án số 65/TB-TLVA ngày 09/12/2024; Giấy triệu tập số 65-3/GTT-TA ngày 11/12/2024 (đến Tòa án lúc 09 giờ 00 phút, ngày 14/01/2025);

- Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 9/2025/QĐ-XXTĐTC ngày 05/02/2025; Giấy triệu tập số 65-3/GTT-TA ngày 05/02/2025 (để tham gia chứng kiến phiên xem xét, thẩm định tại chỗ lúc 09 giờ 00 ngày 05/3/2025);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 65/2025/TB-TA ngày 26/3/2025; Giấy triệu tập số 65-4/GTT-TA ngày 26/3/2025 (có mặt tại Tòa án lúc 09 giờ 00 phút ngày 23/4/2025);

- Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 65/2025/TB-TA ngày 23/4/2025;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, tiến hành việc thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của B. Buộc Công ty T2 có nghĩa vụ thanh toán một lần cho B toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 26 tháng 6 năm 2025 là 56.884.629.230 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó nợ gốc là 34.820.000.000 đồng, nợ lãi là 22.064.629.230 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ. Trường hợp Công ty T2 không thực hiện

việc trả nợ đầy đủ cho B thì B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 002/2020/14145570/HĐBĐ tại Văn phòng công C theo số công chứng 8673, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD, Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/9/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T, tỉnh Long An đối với: Thửa đất số 995 (Giấy chứng nhận BG 851631, số vào sổ CH 00864); Thửa đất số 996 (Giấy chứng nhận BH 703476, số vào sổ CT 10212); Thửa đất số 1088 (Giấy chứng nhận BK 522518, số vào sổ CH 01019) và Thửa đất số 2198 (Giấy chứng nhận CT 117919, số vào sổ CS 05685) cùng tờ bản đồ số 4 do Ủy ban nhân dân Thành phố T cấp các ngày 01/12/2011, 03/02/2012, 02/05/2012 và 02/10/2019 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

+ Về án phí dân sự: Công ty T2 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho B. B được hoàn trả tạm ứng án phí. Chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ B tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tranh luận của các bên đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là B) khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15 tháng 9 năm 2020. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15 tháng 9 năm 2020 được ký kết ban đầu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B1. Ngày 24/5/2021, theo Quyết định số 417/QĐ-BIDV của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B1 được thay đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Q Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/11/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện và có Đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết tranh chấp. Như vậy, Quận 5 là nơi các bên ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng nên Tòa án nhân dân Quận 5 là nơi có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các bên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

[2.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thế A, ông Phan Anh T có mặt. Ông Phạm Bá S vắng mặt. Những người đại diện diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt đồng ý xét xử vắng mặt ông Phạm Bá S vì giấy ủy quyền của nguyên đơn có quy định chỉ một trong những người được ủy quyền tham gia vẫn hợp lệ.

[2.2] Bị đơn Công ty TNHH T2 – Có người đại diện theo pháp luật là ông Lương Hoàng D có mặt.

[2.3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tô Khánh H:

Bà Nguyễn Tô Khánh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ:

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-KDTM ngày 23/4/2025; Giấy triệu tập số 65-4/GTT-TA ngày 23/4/2025 (Có mặt tại phiên Tòa xét xử sơ thẩm lần 1 lúc 09 giờ 00 ngày 21/5/2025) bằng hình thức tổng đạt trực tiếp ngày 28/4/2025.

+ Quyết định hoãn phiên Tòa số 87/2025/QĐST-KDTM-HPT ngày 21/5/2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST-KDTM ngày 29/5/2025; Giấy triệu tập số 65-4/GTT-TA ngày 29/5/2025 (Có mặt tại phiên Tòa xét xử sơ thẩm lần 2 lúc 08 giờ 30 ngày 26/6/2025) bằng hình thức tổng đạt qua người thứ 3 là mẹ của bà H (Bà Tô Thị Bích V) và đồng thời thực hiện việc niêm yết ngày 04/6/2025.

Bà Tô Nguyễn Khánh H1 có đơn đề nghị về việc hoãn phiên Tòa xét xử lần 1 vào ngày 21/5/2025. Tại phiên Tòa hôm nay ngày 26/6/2025 bà H1 vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện:

[4.1] Về hợp đồng tín dụng:

[4.1.1] Về khoản nợ gốc 34.820.000.000 đồng:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do B cung cấp và lời khai của ông Lương Hoàng D - người đại diện theo pháp luật của Công ty T2, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn là B và bị đơn là Công ty T2 có ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15 tháng 9 năm 2020 và 03 (ba) Hợp đồng tín dụng cụ thể vào các ngày 30/9/2020 (02 hợp đồng) và 01/10/2020.

Hạn mức cấp tín dụng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15 tháng 9 năm 2020 kèm bảng Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng là 50 tỷ đồng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

Hợp đồng tín dụng cụ thể có tài khoản vay 13982000060890, thời hạn vay là 252 ngày, từ ngày 01/10/2020 đến ngày 10/6/2021.

Hợp đồng tín dụng cụ thể có tài khoản vay 13982000060854 có thời hạn vay là 258 ngày, từ ngày 30/9/2020 đến ngày 15/6/2021.

Hợp đồng tín dụng cụ thể có tài khoản vay 13982000060845 có thời hạn vay là 278 ngày, từ ngày 30/9/2020 đến ngày 05/7/2021.

Lãi suất cho vay trong hạn của các hợp đồng tín dụng cụ thể là 9%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng; lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả đối với nợ lãi trong hạn là 10%/năm.

Căn cứ bảng kê tính lãi do B xuất trình ngày 26/6/2025 thì tính đến hết ngày 26/6/2025, dư nợ gốc của các hợp đồng theo các tài khoản vay còn lại như sau:

+ Tài khoản vay số 13982000060890 có dư nợ gốc 6.360.000.000 đồng;
+ Tài khoản vay số 13982000060854 có dư nợ gốc 9.870.000.000 đồng;
+ Tài khoản vay số 13982000060845 có dư nợ gốc 18.590.000.000 đồng.
(Do tài khoản vay này Công ty T2 có chuyển thanh toán 180.000.000 đồng vào ngày 04/8/2021 nên B đã trừ khoản tiền này vào nợ gốc)

Như vậy, nợ gốc của Công ty T2 đến thời điểm ngày 26/6/2025, là: 6.360.000.000 đồng + 9.870.000.000 đồng + 18.590.000.000 = 34.820.000.000 (Ba mươi bốn tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng).

STT (1)	HĐTD cụ thể số tài khoản vay (2)	Dư nợ gốc (đồng) (3)	Ngày thu nợ gốc (ngày) (4)	Số tiền thu nợ gốc (đồng) (5)	Số tiền nợ gốc sau khi BIDV thu nợ (6) (3-5)=6
1	13982000060890	6.360.000.000	không	0	6.360.000.000
2	13982000060854	9.870.000.000	không	0	9.870.000.000
3	13982000060845	18.770.000.000	04/8/2021	180.000.000	18.590.000.000
Tổng	34.820.000.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng)				

[4.1.2] Về số tiền nợ lãi tạm tính đến hết ngày 26 tháng 6 năm 2025 tổng cộng là 22.064.629.230 đồng gồm: lãi trong hạn là 2.331.724.932 đồng; lãi quá hạn là 18.800.595.616 đồng, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn là 932.308.682 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Lãi trong hạn 2.331.724.932 đồng:*

Căn cứ Bảng tính lãi suất tiền vay do Ngân hàng B lập ngày 26/6/2025 thì tiền lãi trong hạn của ông Công ty TNHH T2 như sau:

+ Tài khoản vay số 13982000060890 từ thời điểm 01/10/2020 (thời điểm giải ngân) tính đến ngày 11/6/2021: Lãi suất trong hạn = Dư nợ gốc x 9%/365 ngày x số ngày nợ => 6.360.000.000 đồng x 9%/365 ngày x 253 (từ ngày 01/10/2020 đến ngày 11/6/2021) = 396.759.452 đồng.

+ Tài khoản vay số 13982000060854 từ thời điểm 30/9/2020 (thời điểm giải ngân) tính đến ngày 01/7/2021: Lãi suất trong hạn = Dư nợ gốc x 9%/365 ngày x số ngày nợ => 9.870.000.000 đồng x 9%/365 ngày x 274 (từ ngày 30/9/2020 đến ngày 01/7/2021) = 666.833.425 đồng.

+ Tài khoản vay số 13982000060845 từ thời điểm 30/9/2020 (thời điểm giải ngân) tính đến ngày 01/7/2021: Lãi suất trong hạn = Dư nợ gốc x 9%/365 ngày x số ngày nợ => 18.770.000.000 đồng x 9%/365 ngày x 274 (từ ngày 30/9/2020 đến ngày 01/7/2021) = 1.268.132.055 đồng. Do Công ty T2 trả nợ gốc 180.000.000 đồng vào ngày 04/8/2021, sau ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 01/7/2021 nên nợ gốc trong hạn để tính lãi quá hạn vẫn xác định là 18.770.000.000 đồng.

Như vậy tổng lãi trong hạn của là: 396.759.452 đồng + 666.833.425 đồng + 1.268.132.055 đồng = 2.331.724.932 đồng (Hai tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi hai đồng).

Được cụ thể bằng bảng tính như sau:

STT	Số tài khoản vay	Số tiền nợ gốc (đồng)	Thời điểm tính lãi trong hạn (ngày)	Tổng số ngày tính lãi trong hạn (ngày)	Lãi trong hạn (đồng)
1	13982000060890	6.360.000.000	01/10/2020 - 11/6/2021	253	396.759.452
2	13982000060854	9.870.000.000	30/9/2020 - 01/7/2021	274	666.833.425
3	13982000060845	18.770.000.000	30/9/2020 - 01/7/2021	274	1.268.132.055
Tổng lãi trong hạn: 2.331.724.932 đồng (Hai tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi hai đồng)					

- Lãi quá hạn 18.800.595.616 đồng:

Căn cứ Bảng tính lãi suất tiền vay do Ngân hàng B lập ngày 26/6/2024 thì tiền lãi quá hạn của Công ty TNHH T2 tính như sau:

+ Tài khoản vay số 13982000060890: Từ ngày 11/6/2021, Ngân hàng B chuyển khoản nợ gốc 6.360.000.000 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (9%/năm). Cách tính: (Dư nợ gốc x

lãi suất (9%/năm) x 150% x số ngày quá hạn) : 365 ngày => (6.360.000.000 đồng x 9%/năm x 150%/năm x 1.476 ngày (từ ngày 11/6/2021 đến ngày 26/6/2025)) : 365 = 3.472.037.260 đồng.

+ Tài khoản vay số 13982000060854, từ ngày 01/7/2021, Ngân hàng B chuyển khoản nợ gốc 9.870.000.000 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (9%/năm). Cách tính: (Dư nợ gốc x lãi suất (9%/năm) x 150% x số ngày quá hạn) : 365 ngày => (9.870.000.000 đồng x 9%/năm x 150% x 1.456 ngày (từ ngày 01/7/2021 đến ngày 26/6/2025)) : 365 = 5.315.197.808 đồng.

+ Tài khoản vay số 1398200006084 từ ngày 01/7/2021, Ngân hàng B chuyển khoản nợ gốc được chia thành hai giai đoạn:

Ngân hàng B chuyển khoản nợ gốc 18.770.000.000 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn 9%/năm. Cách tính: (Dư nợ gốc x lãi suất (9%/năm) x 150% x số ngày quá hạn) : 365 ngày => (18.770.000.000 đồng x 9%/năm x 150% x 34 ngày (từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 03/8/2021) (trước ngày Công ty T2 trả nợ gốc 180.000.000 đồng)) : 365 = 236.039.178 đồng.

Ngân hàng B chuyển khoản nợ gốc 18.590.000.000 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn 9%/năm. Cách tính: (Dư nợ gốc x lãi suất (9%/năm) x 150% x số ngày quá hạn) : 365 ngày => (18.590.000.000 đồng x 9%/năm x 150% x 1.422 ngày (từ ngày 04/8/2021 (ngày Công ty T2 trả nợ gốc 180.000.000 đồng) đến hết ngày 26/6/2025)) : 365 = 9.777.321.370 đồng.

Như vậy, tổng lãi quá hạn = 3.472.037.260 đồng + 5.315.197.808 đồng + (236.039.178 đồng + 9.777.321.370 đồng) = 18.800.595.616 đồng (Mười tám tỷ, tám trăm triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn, sáu trăm mười sáu đồng).

Cụ thể bằng bảng tính như sau:

STT	Số tài khoản vay	Số tiền nợ gốc (đồng)	Ngày thu nợ gốc (ngày) (4)	Số tiền thu nợ gốc (đồng) (5)	Số tiền nợ gốc sau khi BIDV thu nợ (6)	Ngày tính lãi quá hạn, tổng số ngày	Tổng lãi quá hạn
1	13982000060890	6.360.000.000	không	0	6.360.000.000	11/6/2021 - 26/6/2025	3.472.037.260
2	13982000060854	9.870.000.000	không	0	9.870.000.000	01/7/2021 - 26/6/2025	5.315.197.808
3	13982000060845	18.770.000.000	04/8/2021	180.000.000	18.590.000.000	01/7/2021 - 03/8/2021	236.039.178
						04/8/2021 - 26/6/2025	9.777.321.370

Tổng lãi quá hạn: 18.800.595.616 đồng (Mười tám tỷ, tám trăm triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn, sáu trăm mười sáu đồng)

- *Lãi phạt 932.308.682 đồng (Lãi phạt = Nợ lãi quá hạn x lãi suất phạt 10%/năm x số ngày áp dụng lãi phạt tính từ ngày chuyển nợ quá hạn cho đến ngày xét xử)/365 ngày.*

Căn cứ vào khoản 7 Điều 4 của bảng Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đi kèm với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15/9/2020 cho thấy giữa Ngân hàng B và Công ty T2 có thỏa thuận về lãi chậm trả 10%/năm tính trên số lãi trong hạn chậm trả. Cụ thể bằng bảng tính như sau:

Số tài khoản vay	Ngày áp dụng lãi phạt	Nợ lãi trong hạn VNĐ	Lãi suất phạt	Số ngày áp dụng lãi phạt	Số tiền lãi phạt phải chịu VNĐ
13982000060890	Từ 11/6/2021 đến 26/6/2025	396.759.452	10%/365	1.476	160.443.000
13982000060854	Từ 01/7/2021 đến ngày 26/6/2025	666.833.425	10%/365	1.456	266.002.594
13982000060845	Từ 01/7/2021 đến ngày 26/6/2025	1.268.132.055	10%/365	1.456	505.863.088
Tổng cộng lãi phạt chậm trả	932.308.682 đồng (Chín trăm ba mươi hai triệu, ba trăm lẻ tám ngàn, sáu trăm tám mươi hai đồng)				

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của B, buộc Công ty T2 phải thanh toán tổng nợ lãi tạm tính đến hết ngày 26 tháng 6 năm 2025 là 22.064.629.230 đồng (Hai mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi đồng), gồm: lãi trong hạn là 2.331.724.932 đồng; lãi quá hạn là 18.800.595.616 đồng và lãi phạt là 932.308.682 đồng.

Ngoài ra, Công ty T2 còn phải tiếp tục thanh toán toàn bộ lãi, lãi phạt phát sinh theo Hợp đồng tín dụng 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15 tháng 9 năm 2020 cho đến khi Công ty T2 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng B.

[4.1.3] Tổng số nợ gốc và lãi mà Công ty TNHH T2 có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng B là 56.884.629.230 đồng (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm ba mươi đồng).

Trong đó nợ gốc là 34.820.000.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng); Nợ lãi tạm tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2025 là 22.064.629.230 đồng (Hai mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm ba mươi đồng).

[4.1.4] Do Công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ từ thời điểm 11/6/2021 đến nay làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của B nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc Công ty T2 thanh toán làm một lần cho B khoản nợ gốc và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Về việc thế chấp tài sản:

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp số 002/2020/14145570/HĐBĐ tại Văn phòng công chứng C theo số công chứng 8673, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD, Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/9/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T, tỉnh Long An được ký kết giữa B và bà Nguyễn Tô Khánh H là hợp pháp, đúng quy định pháp. Tuy nhiên, cần xác định đây là “Hợp đồng bảo lãnh” theo Điều 335 của Bộ luật Dân sự năm 2015 vì tài sản dùng để bảo đảm cho khoản vay của các Hợp đồng tín dụng mà B ký kết với Công ty T2 là tài sản của bên thứ 3 - bà Nguyễn Tô Khánh H chứ không phải là tài sản của Công ty T2. Căn cứ Điều 4 của “Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác” số 002/2020/14145570 ngày 29/9/2020 giữa B và bà Nguyễn Tô Khánh H cho thấy bà H đã đồng ý dùng toàn bộ tài sản bảo đảm để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty T2 tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15/9/2020.

Bà H biết rõ về việc Tòa án đang giải quyết tranh chấp có liên quan đến các tài sản mà bà H đã thế chấp cho B nhưng không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập chứng tỏ bà H từ bỏ quyền trình bày, đồng ý với tất cả các nội dung trong hợp đồng thế chấp mà bà H đã ký kết với B.

Các tài sản bảo đảm bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 851631, sổ vào sổ CH 00864 do UBND Thành phố T cấp ngày 01/12/2011 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 996, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 703476, sổ vào sổ CT 10212 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/02/2012 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 522518, sổ vào sổ CH 01019 do UBND Thành phố T cấp ngày 02/05/2012 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 2198, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 117919, sổ vào sổ CS 05685 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 02/10/2019 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

Tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2025 đối với tài sản bảo đảm thì 04 (bốn) thửa đất mà B nhận bảo đảm là đất trống, không có cá nhân đang sinh sống, lưu trú hay pháp nhân đặt trụ sở, văn phòng.

Do vậy, việc B yêu cầu phát mãi tài sản là 04 thửa đất nêu trên để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T2 không trả được nợ cho B là phù hợp với quy định tại Điều 299 và Điều 342 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ thì việc B yêu cầu Công ty T2 phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho B là phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 8 Bảng Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đi kèm với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15/9/2020.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ B tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn – Công ty T2 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho B. B được hoàn trả tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21; Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 40; Điều a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 295; Điều 298; Điều 299; Điều 335; Điều 336; Điều 342, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Điều 7; Điều 8; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B):

Buộc Công ty TNHH T2 có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/14145570/HĐTD ngày 15/9/2020 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 30/9/2020, ngày 01/10/2020 toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 26 tháng 6 năm 2025 là 56.884.629.230 đồng (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm ba mươi đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó nợ gốc là 34.820.000.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng), nợ lãi là 22.064.629.230 đồng (Hai mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm ba mươi đồng) và thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 851631, sổ vào sổ CH 00864 do UBND Thành phố T cấp ngày 01/12/2011 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 996, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 703476, sổ vào sổ CT 10212 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/02/2012 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 522518, sổ vào sổ CH 01019 do UBND Thành phố T cấp ngày 02/05/2012 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 2198, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 117919, sổ vào sổ CS 05685 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 02/10/2019 do bà Nguyễn Tô Khánh H đứng tên.

Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) thì Công ty TNHH T2 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH T2 phải chịu án phí sơ thẩm là 164.884.629 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm hai mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) số tiền tạm ứng án phí 80.947.862 đồng (T1 mươi triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền số 0061061 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B), Công ty TNHH T2 có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Tô Khánh H vắng mặt tại phiên tòa nên được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.5, TP.HCM;
- Chi Cục THADS Q.5, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Bích